

# **NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

## **1. Kết cấu Dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư gồm 4 Chương, 16 Điều và 3 Phụ lục kèm theo.

- Chương I: quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc áp dụng kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

- Chương II: quy định về các trường hợp, nội dung, trình tự kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

- Chương III: quy định về các trường hợp, nội dung, trình tự xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất.

- Chương IV: quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan và điều khoản thi hành Thông tư.

## **2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa đối với hai cơ chế chứng nhận xuất xứ áp dụng độc lập hoặc song song hiện nay tại Việt Nam:

- Cơ chế cấp C/O: do các cơ quan, tổ chức cấp C/O được Bộ Công Thương ủy quyền cấp, bao gồm các Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực, Sở Công Thương Hải Phòng, các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);

- Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa: do thương nhân phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo thỏa thuận dự án thí điểm số 2 của Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN hoặc theo quy tắc xuất xứ ưu đãi của một số nước nhập khẩu dành chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) cho Việt Nam như Liên minh châu Âu (EU), Thụy Sĩ, Na Uy, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v...

Trên cơ sở hai cơ chế chứng nhận xuất xứ nêu trên, đối tượng áp dụng của Dự thảo Thông tư này là cơ quan, tổ chức cấp C/O, tổ chức cấp mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thương nhân đề nghị cấp C/O hoặc tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

## **3. Trường hợp và trình tự kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa**

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên được ký kết và thực thi, quy tắc xuất xứ ngày càng đa dạng và phức tạp, xu hướng tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa bên cạnh cơ chế cấp C/O đã và đang được áp dụng. Do đó, công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa cần được tăng cường hơn trước nhằm quản lý rủi ro, chống gian lận xuất xứ hàng hóa. Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, Bộ Công Thương, với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa, hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền xác minh xuất xứ hàng hóa (Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; cơ quan, tổ chức cấp C/O hoặc cấp mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa; VCCI) chủ động trong công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa trước và sau khi chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp hoặc được phát hành. Trước đây, việc kiểm

ta, xác minh xuất xứ hàng hóa chủ yếu (tự nhiên), khi cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu đề nghị theo cam kết quốc tế hoặc theo quy định nước nhập khẩu. Cần có thực tế, Dự thảo Thông tư quy định các trường hợp kiểm tra, xác minh gồm: (i) chủ động nhằm chống gian lận xuất xứ hàng hóa, (ii) theo đề nghị của cơ quan hải quan nước nhập khẩu và (iii) phối hợp với cơ quan hải quan Việt Nam xác minh xuất xứ hàng hóa trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu.

Theo kết quả so sánh điều khoản về kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa trong Chương Xuất xứ hàng hóa thuộc các cam kết ưu đãi và không ưu đãi, một số FTA và GSP nước nhập khẩu quy định khác biệt đôi chút trong phối hợp làm chính giữa nước nhập khẩu và nước xuất khẩu, trình tự kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa, tuy nhiên hai phương thức cơ bản gồm kiểm tra hồ sơ, chứng từ C/O và xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân vẫn được áp dụng, cụ thể:

- FTA ASEAN và ASEAN+: cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu và nước xuất khẩu phối hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trước khi xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân nước xuất khẩu;

- FTA Việt Nam-EU: cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu và nước xuất khẩu phối hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ C/O; phương thức xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân nước xuất khẩu không áp dụng;

- CPTPP: cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu tự liên hệ trực tiếp với người nhập khẩu hay người xuất khẩu, nhà sản xuất của nước xuất khẩu để yêu cầu thông tin hoặc đi xác minh tại cơ sở sản xuất; cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu có thể tham gia với tư cách quan sát viên.

- GSP (EU, Thụy Sĩ, Na Uy, Thổ Nhĩ Kỳ v.v...), WTO và khuôn khổ khác: cơ quan hải quan nước nhập khẩu, cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu và cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu được thụ hưởng GSP phối hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân nước xuất khẩu. Phương thức xác minh thực tế thông thường được tiến hành độc lập, không phụ thuộc vào kết quả kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa như trong FTA ASEAN và ASEAN+. Riêng đối với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong GSP (REX), vai trò của cơ quan, tổ chức được ủy quyền cấp mã số REX tại nước được thụ hưởng GSP rất quan trọng trong việc thường xuyên chủ động kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

Trình tự kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa quy định tại Dự thảo Thông tư quy định các bước phối hợp giữa cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa với cơ quan, tổ chức cấp C/O, tổ chức cấp mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và thương nhân đề nghị cấp C/O hoặc tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Trường hợp quy trình kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa quy định trong các FTA hay GSP có sự khác biệt so với Dự thảo Thông tư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và thương nhân thực hiện theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

Số: /2018/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

**DỰ THẢO 2**

**THÔNG TƯ**

**Quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu**

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu trước và sau khi cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và đối với hàng hóa xuất khẩu theo cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, tổ chức cấp C/O;
2. Thương nhân đề nghị cấp C/O, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu (sau đây gọi là thương nhân);
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

### **Điều 3. Cơ sở, chứng từ chứng nhận**

1. *Cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa* là Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), cơ quan, tổ chức cấp C/O hoặc cơ quan, tổ chức cấp mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

2. *Kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa* là hoạt động rà soát, đối chiếu, xác thực hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhằm đảm bảo hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ;

3. *Xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất* là hoạt động xác minh xuất xứ tại địa điểm kinh doanh, địa điểm sản xuất, địa điểm nuôi trồng hay đánh bắt v.v... của thương nhân;

4. *Đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa* là văn bản của cơ quan hải quan nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu đề nghị cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin liên quan đến xuất xứ hàng hóa thuộc diện nghi ngờ hoặc đề nghị phối hợp trong công tác xác minh xuất xứ hàng hóa;

5. *Kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa* là văn bản xác nhận hàng hóa thuộc diện nghi ngờ đáp ứng hay không đáp ứng quy tắc xuất xứ kèm theo hồ sơ, chứng từ, thông tin liên quan đến xuất xứ hàng hóa;

6. *Phiếu câu hỏi xác minh xuất xứ hàng hóa* là phiếu câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin cụ thể liên quan đến xuất xứ hàng hóa thuộc diện nghi ngờ.

### **Điều 4. Kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa**

1. Việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định tại Chương II và Chương III Thông tư này;

2. Trong trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định về kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa khác với khoản 1 Điều này, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương hướng dẫn Điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

### **Điều 5. Phương thức kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa**

Việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo một trong các phương thức sau:

1. Kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

2. Xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất;

3. Kết hợp phương thức kiểm tra, xác minh nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Chương II**  
**KIỂM TRA HỒ SƠ,**  
**CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA**

**Điều 6. Trường hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

Việc kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được thực hiện trong trường hợp sau:

1. Theo đề nghị của cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa nhằm quản lý rủi ro, chống gian lận xuất xứ hàng hóa;
2. Theo đề nghị của cơ quan hải quan nước nhập khẩu, cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu vì lý do kiểm tra xác suất hoặc có cơ sở nghi ngờ hợp lý;
3. Phối hợp với cơ quan hải quan Việt Nam trong trường hợp nghi ngờ hoặc phát hiện dấu hiệu gian lận xuất xứ hàng hóa trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu.

**Điều 7. Nội dung kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

Cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa rà soát hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do cơ quan, tổ chức cấp C/O hoặc do thương nhân lưu trữ và yêu cầu cung cấp chứng từ, tài liệu liên quan để xác thực nội dung sau:

1. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa là do cơ quan, tổ chức cấp C/O cấp hoặc do thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phát hành theo quy định của Bộ Công Thương hướng dẫn Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc theo quy định của nước nhập khẩu;
2. Quy trình, thủ tục cấp C/O được thực hiện đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP;
3. Hàng hóa được cấp C/O hoặc hàng hóa được khai báo trên chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;
4. Thương nhân đang hoạt động, tạm ngừng kinh doanh hay đã giải thể;
5. Khai báo xuất xứ của nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu đầy đủ, hợp lệ;
6. Thông tin, chứng từ, tài liệu khác được đề nghị cung cấp là cần thiết để chứng minh xuất xứ hàng hóa.

## Điều 8. Trình tự kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa gửi văn bản yêu cầu xác minh cho cơ quan, tổ chức cấp C/O, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Trường hợp việc kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thực hiện theo đề nghị của cơ quan hải quan nước nhập khẩu, nội dung văn bản yêu cầu xác minh được xây dựng dựa trên đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa.

2. Cơ quan, tổ chức cấp C/O, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phản hồi trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác minh nêu tại khoản 1 Điều này theo hình thức thư điện tử hoặc hình thức văn bản giấy.

3. Cơ quan, tổ chức cấp C/O, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa báo cáo kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa bằng văn bản cho cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa trong vòng:

a) 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác minh nêu tại khoản 1 Điều này;

b) 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác minh nêu tại khoản 1 Điều này trong trường hợp cơ quan hải quan nước nhập khẩu gửi văn bản nhắc lại đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa.

4. Trong trường hợp cần gia hạn thời hạn báo cáo kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa nêu tại khoản 3 Điều này, cơ quan, tổ chức cấp C/O, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gửi văn bản đề nghị nêu rõ lý do, thời gian gia hạn cho cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa không muộn hơn 5 ngày làm việc trước khi đến thời hạn quy định.

5. Sau khi nhận được kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa nêu tại khoản 3 Điều này, cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa rà soát, yêu cầu bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết. Trường hợp việc kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thực hiện theo đề nghị của cơ quan hải quan nước nhập khẩu, cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa thông báo bằng văn bản cho cơ quan hải quan nước nhập khẩu trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa.

6. Cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa gửi văn bản cho cơ quan, tổ chức cấp C/O, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong trường hợp nhận được thông báo của cơ quan hải quan nước nhập khẩu về việc chấp thuận hay không chấp thuận kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa.

7. Trong trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định khác về trình tự kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của Bộ

Công Thương hướng dẫn Điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

### **Chương III**

## **XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT**

### **Điều 9. Trường hợp xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất**

Việc xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Nhằm quản lý rủi ro, chống gian lận xuất xứ hàng hóa:

a) Trước khi cấp C/O trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O không rõ ràng về thông tin và giải trình tiêu chí xuất xứ; có dấu hiệu gian lận đối với lô hàng đang đề nghị cấp C/O hoặc đối với lô hàng được cấp C/O trước đó;

b) Trước khi cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc cấp mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của Bộ Công Thương hướng dẫn Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc theo quy định nước nhập khẩu;

c) Sau khi chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp hoặc được phát hành trong trường hợp phát hiện dấu hiệu thương nhân kê khai gian lận, sử dụng chứng từ giả đối với lô hàng được cấp C/O hay đối với lô hàng được khai báo xuất xứ trên chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

2. Theo đề nghị của cơ quan hải quan nước nhập khẩu trong trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nêu tại khoản 5 Điều 8 Thông tư này chưa đủ căn cứ để xác định xuất xứ hàng hóa;

3. Theo đề nghị của cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu về việc phối hợp xác minh tại cơ sở sản xuất trong trường hợp có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ hàng hóa;

4. Phối hợp với cơ quan hải quan Việt Nam trong trường hợp có nghi ngờ hoặc phát hiện dấu hiệu gian lận xuất xứ hàng hóa trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu.

### **Điều 10. Nội dung xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất**

Cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa tiến hành xác minh tại cơ sở sản xuất để thu thập và xác nhận thông tin sau:

1. Cơ sở sản xuất, trụ sở văn phòng tồn tại hợp pháp và phù hợp với thông tin đăng ký hồ sơ thương nhân;

2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, thị trường xuất khẩu trước thời điểm xác minh xuất xứ hàng hóa;

3. Năng lực sản xuất, tình trạng máy móc, nhân công, địa điểm làm hàng;
4. Thông tin về hàng hóa, nguyên liệu, nhà cung cấp nguyên liệu, sử dụng để sản xuất ra hàng hóa;
5. Việc lưu trữ, xuất trình và giải trình hồ sơ chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chứng từ khác liên quan;
6. Kiến thức chung về xuất xứ hàng hóa của thương nhân.

#### **Điều 11. Trình tự xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất**

1. Cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa ban hành quyết định thành lập tổ công tác xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa gửi văn bản thông báo cho thương nhân về lý do xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất, thành phần tổ công tác, lịch trình phiếu câu hỏi xác minh xuất xứ hàng hóa theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Văn bản thông báo được gửi đến thương nhân trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập tổ công tác nêu tại khoản 1 Điều này. Trường hợp việc xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất thực hiện theo đề nghị của cơ quan hải quan nước nhập khẩu hoặc của cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu, nội dung văn bản thông báo được xây dựng dựa trên đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa.

3. Thương nhân phản hồi trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nêu tại khoản 2 Điều này theo hình thức thư điện tử hoặc hình thức văn bản.

4. Tổ công tác tiến hành xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo lịch trình đã thông báo.

5. Tổ công tác lập biên bản xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp việc xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất thực hiện theo đề nghị của cơ quan hải quan nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu, nội dung biên bản xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất được xây dựng dựa trên sự thống nhất giữa các bên liên quan.

6. Cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa gửi văn bản cho thương nhân trong trường hợp nhận được thông báo của cơ quan hải quan nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu về việc chấp thuận hay không chấp thuận xuất xứ hàng hóa thuộc diện nghi ngờ.

7. Trong trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định khác về trình tự xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất,



cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương hướng dẫn Điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

## **Chương IV** **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN,** **TỔ CHỨC LIÊN QUAN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 12. Trách nhiệm của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)**

1. Thực hiện hoặc hướng dẫn cơ quan, tổ chức cấp C/O kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu;
2. Phối hợp với cơ quan hải quan nước nhập khẩu, cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu;
3. Phối hợp với cơ quan hải quan Việt Nam kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu;
4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức cấp C/O, cơ quan, đơn vị chức năng liên quan để thông báo bằng văn bản về các mặt hàng có rủi ro cao, gian lận về xuất xứ hàng hóa;
5. Thực hiện hoặc hướng dẫn cơ quan, tổ chức cấp C/O áp dụng biện pháp chống gian lận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

### **Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa**

1. Chịu trách nhiệm về việc báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa và thông báo cho Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) hoặc cơ quan hải quan nước nhập khẩu đúng thời hạn;
2. Phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), cơ quan hải quan nước nhập khẩu, cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu;
3. Chịu trách nhiệm lưu trữ, giữ bí mật, cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

### **Điều 14. Trách nhiệm của thương nhân**

1. Phối hợp với cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa, cơ quan hải quan nước nhập khẩu, cơ quan chức năng điều tra nước nhập khẩu trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu;

2. Chịu trách nhiệm giải trình, cung cấp hoặc bổ sung đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa;

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, xác thực của văn bản giải trình, hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) trong việc cung cấp thông tin, tài liệu để hỗ trợ phát hiện và xử lý các trường hợp rủi ro cao, gian lận xuất xứ hàng hóa.

#### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2018./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện KSND tối cao, Tòa án ND tối cao;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Ban quản lý các KCN và KCX (36);
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Vụ, Cục, các Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực;
- Lưu: VT, XNK(10).

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Tuấn Anh**



1. Làm việc về các nội dung liên quan đến kiểm tra xuất xứ đối với mặt hàng ...<sup>7</sup> của Việt Nam xuất khẩu sang ...<sup>10</sup> được cấp/được khai báo trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa ...<sup>11</sup> giai đoạn từ năm ...<sup>12</sup> đến năm ...<sup>12</sup> và xác minh tại các công ty theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Báo cáo Bộ Công Thương bằng văn bản sau khi kết thúc đợt công tác xác minh xuất xứ mặt hàng ....<sup>8</sup>

3. Yêu cầu thường nhân và các tổ chức liên quan phối hợp, cung cấp hồ sơ, giấy tờ, tài liệu, thông tin phục vụ việc xác minh xuất xứ hàng hóa.

**Điều 3. ...**

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều .....;
- .....
- .....
- Lưu: VT, ...<sup>13</sup>....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

*(chữ ký và con dấu)*

**Họ và tên**

<sup>10</sup> Tên thị trường xuất khẩu của thương nhân.

<sup>11</sup> Tên mẫu C/O hoặc tên loại chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

<sup>12</sup> Năm cấp C/O.

<sup>13</sup> Chữ viết tắt tên của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo.

**Phụ lục II**  
**MẪU PHIẾU CÂU HỎI XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA**

(ban hành kèm theo Thông tư số ..... /2018/TT-BCT

ngày ... tháng ... năm 2018 quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

<b>PHẦN I. THÔNG TIN THƯƠNG NHÂN</b>						
1. Thương nhân là (đánh dấu <input type="checkbox"/> vào ô phù hợp):						
<input type="checkbox"/> Người xuất khẩu			<input type="checkbox"/> Người xuất khẩu/Nhà sản xuất			
<input type="checkbox"/> Nhà sản xuất hàng xuất khẩu			<input type="checkbox"/> Nhà sản xuất nguyên liệu trong nước			
2. Tên Công ty:						
Người đại diện theo pháp luật:						
Địa chỉ	Trụ sở công ty		ĐT:			
			Fax:			
			Email:			
			Website:			
Nhà máy/xưởng sản xuất	Nhà máy/xưởng sản xuất		ĐT:			
			Fax:			
			Email:			
Nhân sự	Tổng số lượng quản lý:					
	Tổng số lượng nhân công:					
3. Sản xuất:						
Mô tả hàng hóa:						
Mã HS (6-8 số):						
Quy trình sản xuất (mô tả):						
<b>PHẦN II. NGUYÊN LIỆU, LINH KIỆN, PHỤ KIỆN</b>						
1. Không có xuất xứ						
STT	Mã HS (6 số)	Mô tả nguyên liệu, phụ kiện	Số lượng	Trị giá		
2. Có xuất xứ						
STT	Mã HS (6 số)	Mô tả nguyên liệu, phụ kiện	Số lượng	Trị giá	Tên và địa chỉ của nhà cung cấp/nhà sản xuất/tự sản xuất (có/không)	Chứng từ chứng minh xuất xứ
<b>PHẦN III. HÀNG HÓA CÓ CHỨNG TỪ CHUNG NHẬN XUẤT XỨ</b>						
1. Sử dụng chứng từ chứng nhận xuất xứ (đánh dấu <input type="checkbox"/> vào ô phù hợp):						
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa(C/O)			<input type="checkbox"/> Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa			
2. Áp dụng tiêu chí xuất xứ trong FTA hoặc ngoài FTA:						
<input type="checkbox"/> ATIGA		<input type="checkbox"/> ASEAN - Trung Quốc		<input type="checkbox"/> ASEAN - Nhật Bản		
<input type="checkbox"/> ASEAN - Hàn Quốc		<input type="checkbox"/> ASEAN - Úc - Niu Di-lân		<input type="checkbox"/> ASEAN - Ấn Độ		
<input type="checkbox"/> Việt Nam – Nhật Bản		<input type="checkbox"/> Việt Nam – Chi Lê		<input type="checkbox"/> Việt Nam – Hàn Quốc		
<input type="checkbox"/> Việt Nam – LMKT Á Âu		<input type="checkbox"/> Việt Nam – Lào		<input type="checkbox"/> Việt Nam – Cam-pu-chia		
<input type="checkbox"/> GSP		<input type="checkbox"/> Không ưu đãi		<input type="checkbox"/> Khác		

3. Áp dụng tiêu chí xuất xứ như sau:			
<input type="checkbox"/> Xuất xứ thuần túy	<input type="checkbox"/> Chuyển đổi mã HS (CTO)		
<input type="checkbox"/> Hạn lượng giá trị khu vực (RVC)/Tỷ lệ phần trăm giá trị (LVC)	<input type="checkbox"/> Công đoạn gia công đặc biệt (Specific Process/SP)		
<input type="checkbox"/> Tiêu chí khác:			
<b>PHẦN IV. QUÁ CẢNH VÀ CHUYỂN TẢI</b>			
1. Sử dụng chứng từ vận tải (đánh dấu <input type="checkbox"/> vào ô phù hợp):			
<input type="checkbox"/> Vận tải đơn	<input type="checkbox"/> Vận tải hàng không	<input type="checkbox"/> Bảng kê vận chuyển	<input type="checkbox"/> Khác
<i>(Trường hợp nộp muốn chứng từ vận tải tại mục 1 Phần IV cho cơ quan, tổ chức cấp C/O, thương nhân kê khai nộp trong vòng ..... ngày kể từ ngày cấp C/O)</i>			
2. Hàng hóa xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan có quá cảnh hay chuyển tải qua một nước không có xuất xứ/nước không phải là thành viên trong quá trình vận chuyển? (đánh dấu <input type="checkbox"/> vào ô phù hợp):			
		<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3. Trường hợp đánh dấu <input type="checkbox"/> vào ô “Có” tại mục 2 Phần IV, đề nghị thương nhân giải trình và nộp chứng từ chứng minh hàng hóa đó ở dưới sự kiểm soát của cơ quan hải quan nước không có xuất xứ/nước không phải là thành viên.			
4. Hàng hóa xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan có sản xuất thêm hoặc trải qua bất kỳ công đoạn nào khác bên ngoài lãnh thổ các nước thành viên, trừ việc dỡ hàng, bốc lại hàng hoặc những công đoạn cần thiết để bảo quản hàng hóa trong điều kiện tốt? (đánh dấu <input type="checkbox"/> vào ô phù hợp):			
		<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5. Trường hợp đánh dấu <input type="checkbox"/> vào ô “Không” tại mục 4 Phần IV, đề nghị thương nhân giải trình và nộp chứng từ chứng minh hàng hóa đó ở dưới sự kiểm soát của cơ quan hải quan nước xuất xứ/nước thành viên xuất khẩu.			
<b>PHẦN V. THÔNG TIN BỔ SUNG (áp dụng đối với PHẦN II, PHẦN III)</b>			
1. Nguyên liệu/hàng hóa nêu tại Phần II, Phần III được kê khai, cam kết “có xuất xứ”? Nếu “Có”, đề nghị thương nhân nộp bảng kê khai nguyên liệu/hàng hóa đạt tiêu chí xuất xứ cụ thể theo quy định.			
		<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2. Nguyên liệu/hàng hóa có xuất xứ vi phạm hay không vi phạm nguyên tắc “De minimis” hay nguyên tắc khác tương tự ngoài FTA? Nếu “Có”, đề nghị thương nhân nộp bảng giải trình “De minimis” theo quy định.			
		<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3. Nguyên liệu/hàng hóa có xuất xứ vi phạm hay không vi phạm “công đoạn gia công đơn giản”? Nếu “Không”, đề nghị thương nhân giải trình cụ thể về quy trình sản xuất.			
		<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4. Nguyên liệu/hàng hóa có xuất xứ đáp ứng hay không đáp ứng tiêu chí “RVC” hoặc “LVC”? Nếu “Có”, đề nghị thương nhân giải trình.			
		<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
a) Công thức tính RVC/LVC/VA...? .....			
b) Có áp dụng hay không áp dụng “Cộng gộp”? Nếu “Có”, đề nghị thương nhân cung cấp C/O cấp cho nguyên liệu nhập khẩu; Bản kê khai, cam kết xuất xứ của nhà sản xuất, nhà cung cấp cho nguyên liệu sản xuất trong nước; Danh sách nhà cung cấp kèm địa chỉ liên lạc.			
		<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
<b>PHẦN VI. THƯƠNG NHÂN XÁC NHẬN</b>			
Công ty chúng tôi cam kết thông tin khai báo trên Phiếu câu hỏi xác minh xuất xứ hàng hóa này là trung thực, chính xác. Chúng tôi đồng ý xuất trình, cung cấp hồ sơ, chứng từ cần thiết liên quan để hỗ trợ người đại diện của công ty hoàn thành Phiếu câu hỏi này và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai báo sai thông tin hoặc khai thông tin thiếu sót trên Phiếu câu hỏi này.			
Tên người đại diện công ty:			
Chức danh:			
<i>(Ký tên và đóng dấu công ty)</i>			

**Phụ lục III**

**MẪU BIÊN BẢN XÁC MINH TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT**

*(ban hành kèm theo Thông tư số ..... /2018/TT-BCT*

*ngày ... tháng ... năm 2018 quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)*

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thực hiện Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của <Tên cơ quan xác minh xuất xứ hàng hóa> thành lập Tổ công tác xác minh xuất xứ hàng hóa;

Trên cơ sở thông báo tối đa 2 giờ đồng hồ trước khi đến;

Hôm nay, vào hồi .....h ....ngày ....tháng.....năm....., Tổ công tác gồm:

+ Ông/Bà ....., <chức vụ>, Tổ trưởng

+ Ông/Bà ....., <chức vụ>, thành viên

+ Ông/Bà ....., <chức vụ>, thành viên

đã tiến hành xác minh cơ sở sản xuất của <tên thương nhân>

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Lý do xác minh tại cơ sở sản xuất của <tên thương nhân> để xác minh hàng hóa có xuất xứ ưu đãi/không ưu đãi xuất khẩu sang .....

Người tiếp: ..... Chức vụ: .....

+ Cơ sở sản xuất không tồn tại:

+ Cơ sở sản xuất đóng cửa,  
đã liên lạc với thương nhân nhưng không được:

+ Cơ sở sản xuất đang hoạt động,  
nhưng thương nhân từ chối tiếp Tổ công tác:

+ Cơ sở sản xuất đang hoạt động,  
đã tiến hành kiểm tra cơ sở sản xuất của thương nhân:

Trình tự xác minh cụ thể như sau:

Tổ công tác đã yêu cầu thương nhân cung cấp thông tin về cơ cấu vốn sở hữu của thương nhân; hồ sơ, chứng từ về máy móc, thiết bị, lao động:

1. Hồ sơ thương nhân:

1.1. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....  
ngày cấp .....

1.2. Vốn Điều lệ: .....

1.3. Loại hình doanh nghiệp: .....

Chủ sở hữu: .....

*(Đề nghị cung cấp giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép sản xuất, giấy chứng nhận đầu tư liên quan)*

2. Lao động của Công ty:

- Số lao động hiện tại (trong hồ sơ nhân sự): ....., trong đó:
- Số lao động ký Hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên): ..... người
  - Số lao động thời vụ đang làm việc tại công ty: ..... người
  - Số lao động hiện có tại thời điểm kiểm tra: ..... người

3. Năng lực nhà xưởng, thiết bị:

- Tổng số máy móc, thiết bị: ..... chiếc. Cụ thể:
- Máy 1: .....
  - Máy 2: .....
  - Máy móc khác: .....
  - .....
  - .....
- Trong đó: + Thuê/mua trong nước: .....
- + Nhập khẩu: .....

*(Đề nghị cung cấp danh sách chi tiết các loại máy móc, dụng cụ làm việc và bản sao có đóng dấu sao y bản chính hóa đơn và chứng từ nhập khẩu máy móc, thiết bị liên quan)*

4. Tình hình nhà xưởng:

- Số nhà xưởng: ..... Tổng diện tích: ..... m<sup>2</sup>
- Kho nguyên liệu: ..... Tổng diện tích: ..... m<sup>2</sup>
- Trụ sở/cơ sở sản xuất do thương nhân sở hữu  đi thuê
- Thương nhân bắt đầu xây dựng trụ sở/cơ sở sản xuất khi nào .....

5. Năng lực sản xuất:

- Thương nhân bắt đầu sản xuất từ khi nào: .....
- Năng lực sản xuất/năng suất tính theo .....
- .....
- .....
- Thương nhân làm việc ..... ca/ngày, mỗi ca ..... tiếng

6. Nguyên liệu, phụ kiện, linh kiện dùng để sản xuất sản phẩm:

- Loại nguyên liệu (mô tả, mã HS): .....
- Hình thức mua, bán: nhập khẩu  mua trong nước
- Người cung cấp (Tên, địa chỉ): .....
- Xuất xứ của nguyên liệu theo quy tắc xuất xứ ưu đãi/không ưu đãi:  
có xuất xứ  không có xuất xứ

*(Đề nghị cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn thương mại, chứng từ nhập khẩu, chứng từ chứng minh xuất xứ liên quan)*

7. Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

- Tiêu thụ nội địa: .....
- Xuất khẩu: .....
- Thời điểm xuất khẩu lô sản phẩm đầu tiên: .....



*(Đề nghị cung cấp danh sách đối tác, nước nhập khẩu tương ứng với hàng hóa xuất khẩu và chứng từ xuất khẩu có đóng dấu sao y bản chính như C/O, hóa đơn, vận tải đơn v.v...)*

8. Kiến nghị của thương nhân:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Tổ công tác đã kết thúc xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân vào hồi .....h..... ngày .....tháng .....năm.....

Biên bản được lập thành .... bản; mỗi bản gồm .... tờ; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho <tên thương nhân> 01 bản.

**Người đại diện  
theo pháp luật của thương nhân**

**Trưởng Tổ công tác xác minh**

(chức vụ, ký và ghi rõ họ tên,  
đóng dấu)

(chức vụ, ký và ghi rõ họ tên)

**Chữ ký của các thành viên trong Tổ công tác xác minh:**

<ký và ghi rõ họ tên từng thành viên>